



VEPR

Thành viên  
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ



VESS

TÀI LIỆU HỘI THẢO

DIỄN ĐÀN CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM 2020

# CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA HỖ TRỢ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ GẮN KẾT XÃ HỘI

*Sự kiện được hỗ trợ bởi*



OXFAM



Hà Nội, tháng 11 năm 2020

**CHƯƠNG TRÌNH**  
**DIỄN ĐÀN CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM 2020**  
**“CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA HỖ TRỢ**  
**TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ GẮN KẾT XÃ HỘI”**

*Thời gian: 08:30 – 11:45, Thứ Tư, ngày 25 tháng 11 năm 2020*

*Địa điểm: Hội trường E2, Khách sạn La Thành, 226 Vạn Phúc, Hà Nội.*

<b>Thời gian</b>	<b>Chương trình</b>
08:00 – 08:30	Đăng ký đại biểu
08:30 – 08:40	Phát biểu khai mạc <i>TS. Nguyễn Quốc Việt, Phó Viện trưởng, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR)</i>
08:40 – 08:50	Phát biểu chào mừng <i>Bà Nguyễn Thu Hương, Quản lý cấp cao, Oxfam tại Việt Nam</i>
<b>PHIÊN TOÀN THỂ</b> <b>Chủ trì: PGS.TS. Phạm Thế Anh, Kinh tế trưởng, VESS</b>	
08:50 – 09:20	Bài 1: Báo cáo Công bằng thuế Việt Nam 2020 <i>ThS. Phạm Văn Long, Nghiên cứu viên, Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS)</i>
09:20 – 09:40	Bài 2: Thực trạng thu, chi ngân sách trong điều kiện dịch Covid-19 và một số khuyến nghị về chính sách tài khóa <i>TS. Lê Hoài Nam, Vụ Tổng hợp, Kiểm toán Nhà nước</i>
09:40 – 10:00	Bài 3: Ảnh hưởng của vay nợ Chính phủ đối với tăng trưởng kinh tế tư nhân tại Việt Nam <i>NCS. ThS. Lư Huyền Trang, Giảng viên Học viện Tài chính</i>
10:00 – 10:20	Bài 4: Những bất cập trong chính sách miễn giảm thuế Giá trị gia tăng tại các nước ASEAN <i>TS. Nguyễn Thị Kim Dung, Giảng viên Đại học Kinh tế Quốc dân</i>
10:20 – 10:30	<b>Nghỉ giải lao</b>
10:30 – 11:40	<b>Thảo luận bàn tròn</b> Nhóm chuyên gia: - <i>TS. Vũ Đình Ánh, Chuyên gia Kinh tế cao cấp</i> - <i>TS. Nguyễn Ngọc Tuyền, Nguyên Viện trưởng Viện Kinh tế - Tài chính, Bộ Tài Chính</i> - <i>PGS.TS. Vũ Sỹ Cường, Chuyên gia Phân tích chính sách tài chính, Học viện Tài chính</i> - <i>PGS.TS. Phạm Thế Anh, Kinh tế trưởng, Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS)</i> Điều hành thảo luận: - <i>TS. Nguyễn Đức Thành, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS)</i>

11:40 – 11:45	Bê mạc chương trình <i>TS. Nguyễn Đức Thành, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS)</i>
11:45 – 13:00	<b>Ăn trưa tại Khách sạn</b>

***Diễn đàn Chính sách Tài khóa và Phát triển Việt Nam*** là sự kiện được tổ chức hàng năm do Liên minh Công bằng Thuế Việt Nam (VATJ) chủ trì. Đây là sự kiện quy tụ các nhà khoa học, nhà quản lý, hoạch định chính sách, doanh nghiệp và giới truyền thông cùng thảo luận về các vấn đề chính sách liên quan đến hoạt động tài khóa.



## ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ



**LIÊN MINH CÔNG BẰNG THUẾ VIỆT NAM (VATJ)** được thành lập năm 2018. Liên minh là tập hợp các tổ chức, chuyên gia chia sẻ tầm nhìn vì một Việt Nam phát triển bền vững thông qua các chính sách thuế đảm bảo tính công bằng.

Các thành viên của Liên minh bao gồm:



Thành viên



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách, trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội (VEPR)



Trung tâm Hỗ trợ giáo dục và Nâng cao năng lực cho phụ nữ (CEPEW)



Tổ chức truyền thông xã hội về các vấn đề công bằng thuế Todocabi



Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS)

## GIỚI THIỆU DIỄN GIẢ

**TS. Nguyễn Thị Kim Dung:** Tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính Công năm 2007 tại Đại học Kinh tế Quốc dân; Sau đó nhận bằng Thạc sĩ chương trình Cao học Kinh tế Phát triển Việt Nam – Hà Lan năm 2012 và bằng Tiến sĩ Kinh tế tại Đại học Hull, Vương quốc Anh năm 2020. Hiện nay TS. Nguyễn Thị Kim Dung là giảng viên tại Bộ môn Tài chính Công, Đại học Kinh tế Quốc dân.

**ThS. Phạm Văn Long:** Nhận bằng Thạc sĩ Chính sách công, chuyên ngành Phân tích chính sách tại Trường Chính sách công và Quản lý Fulbright, Đại học Fulbright Việt Nam; hiện là nghiên cứu viên của Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS).

**TS. Lê Hoài Nam:** Nhận bằng Tiến sĩ kiểm toán tại Đại học Victoria University of Wellington, New Zealand năm 2014; hiện đang công tác tại Vụ Tổng hợp, Kiểm toán nhà nước.

**NCS.ThS Lưu Huyền Trang:** Nhận bằng Thạc sĩ Kinh tế thế giới và Quan hệ Kinh tế quốc tế tại Đại học Ngoại thương Hà Nội; hiện đang là Nghiên cứu sinh và là giảng viên khoa Kinh tế học trường Học viện Tài chính.

## GIỚI THIỆU CHUYÊN GIA THẢO LUẬN

**PGS.TS. Phạm Thế Anh:** Chuyên gia Kinh tế Vĩ mô; Kinh tế trưởng, Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS)

**PGS.TS. Vũ Sỹ Cường:** Chuyên gia Phân tích Chính sách Tài chính; Phó Trưởng Bộ môn Phân tích Chính sách Tài chính, Khoa Tài chính Công, Học viện Tài chính

**TS. Vũ Đình Ánh:** Chuyên gia về Tài chính và Ngân sách

**TS. Nguyễn Đức Thành:** Chuyên gia Kinh tế; Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS)

**TS. Nguyễn Ngọc Tuyền:** Chuyên gia Tài chính; Nguyên Viện trưởng Viện Kinh tế - Tài chính, Bộ Tài Chính

# **Báo cáo Công bằng thuế Việt Nam 2020**

*ThS. Phạm Văn Long, Nghiên cứu viên, Trung tâm Nghiên cứu  
Kinh tế và Chiến lược (VESS)*

# BÁO CÁO CÔNG BẰNG THUẾ VIỆT NAM 2020

Hà Nội, 25/11/2020

Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS)

## VESS Nội dung

- Giới thiệu về Chỉ số công bằng Thuế
- Một số đặc điểm cơ bản của hệ thống thuế Việt Nam hiện nay
- Tính đầy đủ của nguồn thu ngân sách
- Quản lý hành chính về thuế
- Công bằng từ chi ngân sách
- Minh bạch và trách nhiệm giải trình trong thu chi ngân sách
- Kết quả Chỉ số công bằng Thuế Việt Nam 2020

## VESS Nội dung

- Giới thiệu về Chỉ số công bằng Thuế
- Một số đặc điểm cơ bản của hệ thống thuế Việt Nam hiện nay
- Tính đầy đủ của nguồn thu ngân sách
- Quản lý hành chính về thuế
- Công bằng từ chi ngân sách
- Minh bạch và trách nhiệm giải trình trong thu chi ngân sách
- Kết quả Chỉ số công bằng Thuế Việt Nam 2020

## VESS Giới thiệu về Chỉ số Công bằng Thuế

### Chỉ số Công bằng Thuế (FTM)

- Công cụ vận động chính sách.
- Xác định rõ những rào cản chính trong hệ thống thuế.
- Cung cấp các bằng chứng mạnh mẽ cho công tác vận động chính sách ở cấp quốc gia và quốc tế.
- So sánh các chính sách thuế và thực tiễn thực hiện chính sách thuế ở các quốc gia khác nhau.
- Năm 2016: Đã được thử nghiệm tại 4 quốc gia.
- Năm 2017: Triển khai tại 9 nước (trong đó có Việt Nam)

### Các nhóm tiêu chí đánh giá:

- (1) Hệ thống thuế lũy tiến
- (2) Nguồn thu đủ
- (3) Các chính sách ưu đãi thuế cho doanh nghiệp được quản trị tốt
- (4) Quản lý thuế hiệu quả
- (5) Chỉ tiêu công vì người nghèo
- (6) Trách nhiệm giải trình trong tài chính công

Website: <https://maketaxfair.net/ftm/>

## VESS Bối cảnh của Việt Nam

- Báo cáo FTM 2017 đã chỉ ra rằng thu từ thuế tại Việt Nam chiếm tỷ trọng khá lớn trong GDP (chiếm gần 25%) và **cơ cấu nguồn thu đang chuyển biến theo hướng giảm đi tính công bằng.**
- **Mục tiêu cải cách trong giai đoạn 2016 – 2020 là giảm mức động viên về thuế** để khuyến khích cạnh tranh, tích tụ vốn cho sản xuất kinh doanh. Điều này ít nhiều ảnh hưởng đến thu ngân sách từ thuế.
- **Các đề xuất cải cách về tăng Thuế Giá trị gia tăng, dự thảo Luật Thuế Tài sản không được thông qua.** Trong khi Luật Quản lý thuế sửa đổi 2019 được ban hành nhằm hạn chế tình trạng trốn, tránh thuế đang diễn ra phức tạp nhưng vẫn chưa tạo ra các ảnh hưởng rõ ràng tới tính công bằng của hệ thống thuế tại Việt Nam.
- Đặc biệt trước bối cảnh của **dịch COVID-19 diễn biến phức tạp**, đòi hỏi nguồn lực rất lớn → tạo **áp lực cho ngân sách nhà nước** → **câu hỏi về tính công bằng thuế càng được quan tâm.**

## VESS Mục tiêu và phương pháp

### Mục tiêu nghiên cứu

- Xác định những nút thắt chính.
- Cung cấp bằng chứng cho việc vận động chính sách.
- Khung so sánh cho hệ thống thuế với các quốc gia.
- Đóng góp vào việc vận động trên quy mô toàn cầu để tăng tính công bằng và đầy đủ.

### Phương pháp nghiên cứu

- Tổng hợp và diễn giải thông qua phân tích các thông tin thứ cấp.
- Khung nghiên cứu, phân tích do dự án FTM phát triển.

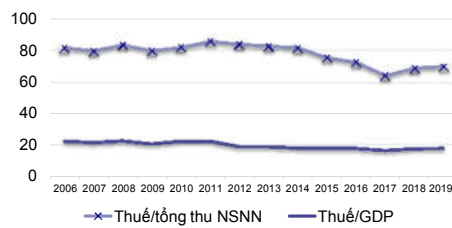
## VESS Nội dung

- Giới thiệu về Chỉ số công bằng Thuế
- Một số đặc điểm cơ bản của hệ thống thuế Việt Nam hiện nay
- Tính đầy đủ của nguồn thu ngân sách
- Quản lý hành chính về thuế
- Công bằng từ chi ngân sách
- Minh bạch và trách nhiệm giải trình trong thu chi ngân sách
- Kết quả Chỉ số công bằng Thuế Việt Nam 2020

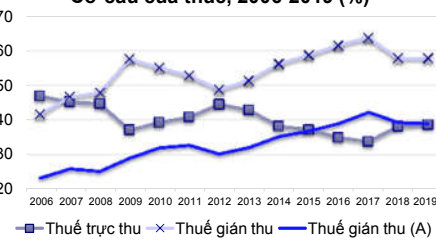
## VESS Tổng thu ngân sách từ thuế

- Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách, thường chiếm tỷ trọng hơn 70% đến hơn 80% trong tổng thu ngân sách nhà nước.
- Tổng thu thuế trên GDP giảm dần từ mức 24% (2006-2008) xuống mức 18% (2014-2019).
- Tỷ trọng thuế gián thu đang tăng mạnh, và ngược lại, tỷ trọng thuế trực thu đang giảm nhanh.

Tổng số thu của thuế, 2006-2019 (%)



Cơ cấu của thuế, 2006-2019 (%)

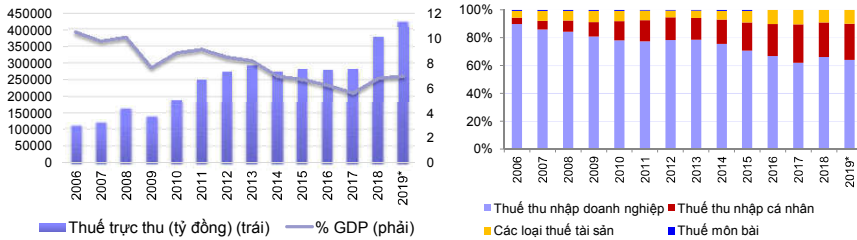


Ghi chú: Số liệu năm 2019 là ước tính lần 2. Các năm còn lại là số liệu đã quyết toán.

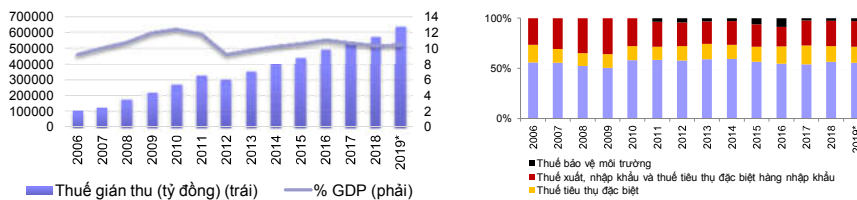
Nguồn: Tác giả tính toán theo Bộ Tài Chính (2007-2020)

# VESS Thuế trực thu và thuế gián thu

Tổng số thu và cơ cấu của thuế trực thu, 2006-2019



Tổng số thu và cơ cấu của thuế gián thu, 2006-2019



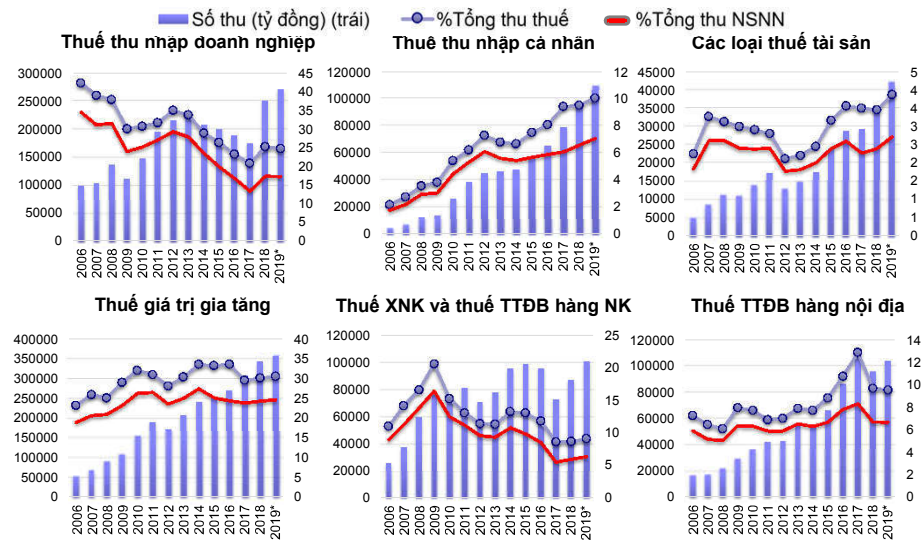
Ghi chú: Số liệu năm 2019 là ước tính lần 2. Các năm còn lại là số liệu đã quyết toán.

Copyright © VESS 2020

Nguồn: Tác giả tính toán theo Bộ Tài Chính (2007-2020)

# VESS Các loại thuế trực thu và thuế gián thu

## Số thu, tỷ trọng trong thuế và NSNN



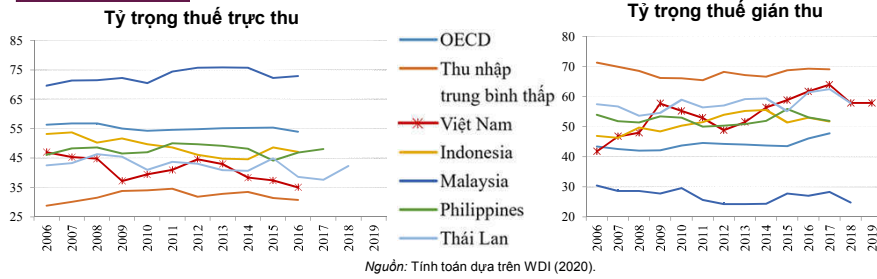
Ghi chú: Số liệu năm 2019 là ước tính lần 2. Các năm còn lại là số liệu đã quyết toán.

Copyright © VESS 2020

Nguồn: Tác giả tính toán theo Bộ Tài Chính (2007-2020)



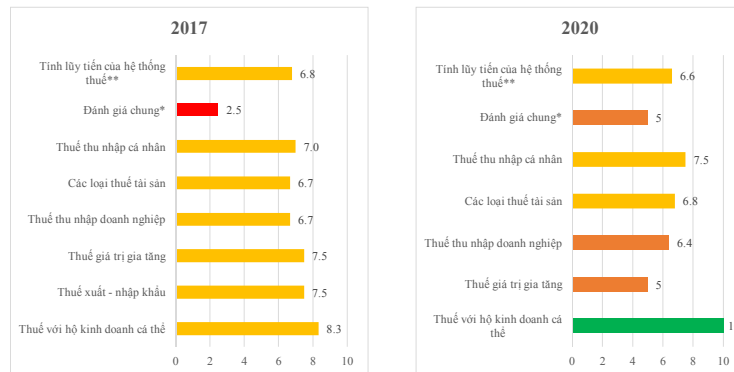
## VESS Tính lũy tiến của hệ thống thuế



- Tỷ trọng thuế trực thu của Việt Nam thấp hơn các nước OECD, Philippines, Indonesia, Malaysia; tương đương với Thái Lan và cao hơn mức trung bình của các nước có thu nhập trung bình thấp.
- Tỷ trọng thuế gián thu của Việt Nam chỉ thấp hơn Thái Lan và mức trung bình của các nước thu nhập trung bình thấp, còn cao hơn các nước còn lại (2016).

## VESS Kết quả Chỉ số FTM về tính lũy tiến của hệ thống thuế Việt Nam

### Tính lũy tiến của hệ thống thuế theo thang điểm của FTM, 2017-2020



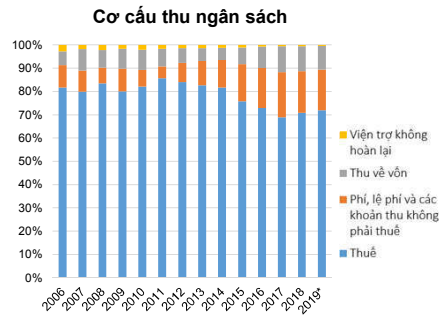
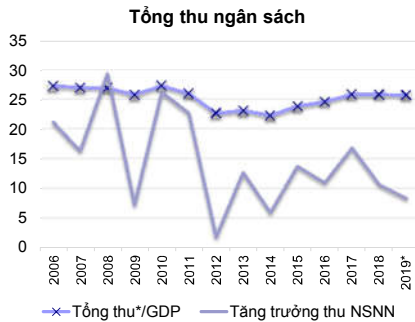
Nguồn: Tính toán của tác giả từ Bộ câu hỏi FTM.

## VESS Nội dung

- Giới thiệu về Chỉ số công bằng Thuế
- Một số đặc điểm cơ bản của hệ thống thuế Việt Nam hiện nay
- Tính đầy đủ của nguồn thu ngân sách
- Quản lý hành chính về thuế
- Công bằng từ chi ngân sách
- Minh bạch và trách nhiệm giải trình trong thu chi ngân sách
- Kết quả Chỉ số công bằng Thuế Việt Nam 2020

## VESS Tổng thu ngân sách nhà nước

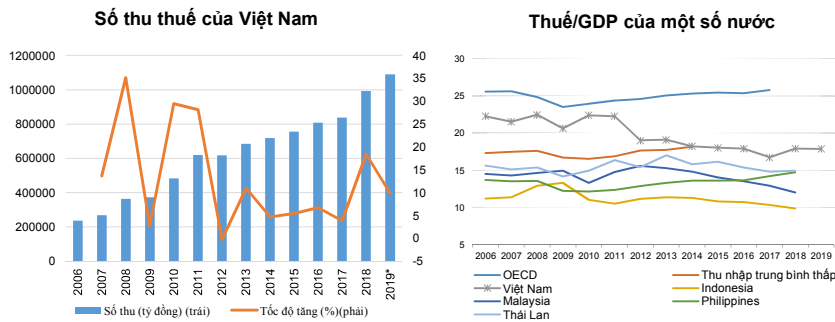
- Tổng thu ngân sách trên GDP đã giảm trong một thập kỷ trở lại đây. Năm 2016, con số này là 25,7%.
- Tốc độ tăng trưởng của thu ngân sách nhà nước cũng đang có xu hướng chậm lại trong ba năm trở lại đây.
- Thuế chiếm tỷ trọng lớn nhất trong thu ngân sách nhà nước với con số trung bình là 78% trong giai đoạn 2006-2019.



Ghi chú: Số liệu năm 2019 là ước tính lần 2. Các năm còn lại là số liệu đã quyết toán.

## VESS Tổng thu ngân sách nhà nước từ thuế

- Tốc độ tăng của tổng số thu thuế cũng đang có xu hướng giảm và ổn định ở mức bình quân 7,36%/năm trong giai đoạn 2012-2019.
- Thuế/GDP đã giảm từ mức khoảng 22,2% GDP (2006) xuống mức 17,9% GDP (2019).
- Thuế/GDP của Việt Nam thấp hơn so với các nước OECD nhưng tương đương với các nước thu nhập trung bình thấp từ năm 2014. Tuy nhiên, trong cả giai đoạn 2006-2019, thuế/GDP của Việt Nam cao hơn hẳn so với các nước trong ASEAN 5.



Ghi chú: Số liệu năm 2019 là ước tính lần 2. Các năm còn lại là số liệu đã quyết toán.

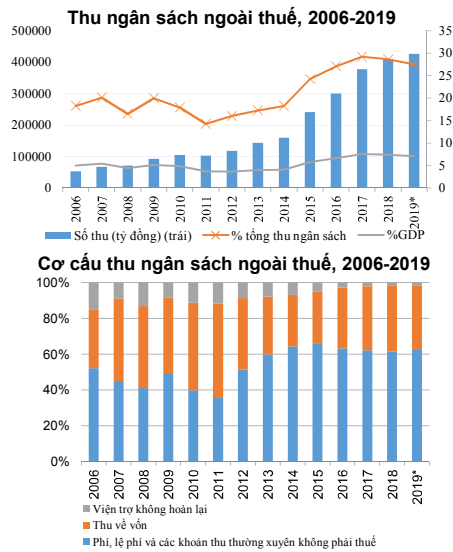
Copyright © VESS 2020

Nguồn: Tác giả tính toán theo Bộ Tài Chính (2007-2020).

15

## VESS Thu ngân sách ngoài thuế

- Từ 2012, thu ngân sách ngoài thuế đang có xu hướng tăng về tỷ trọng trong tổng thu ngân sách và tỷ lệ trên GDP.
- Tỷ trọng nguồn thu này từ mức 18% (2006) lên mức cao nhất 29,2% (2017) và giảm xuống còn 28,6% (2019).
- Bình quân giai đoạn 2006-2019, thu ngân sách ngoài thuế chiếm tỉ trọng 5,3% GDP. Trong khi đó, thuế/GDP đã giảm từ mức khoảng 22,2% GDP (2006) xuống mức 17,9% GDP (2019).
- Phí, lệ phí và các nguồn thu thường xuyên khác không phải thuế đang chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các nguồn thu ngoài thuế.



Ghi chú: Số liệu năm 2019 là ước tính lần 2. Các năm còn lại là số liệu đã quyết toán.

Copyright © VESS 2020

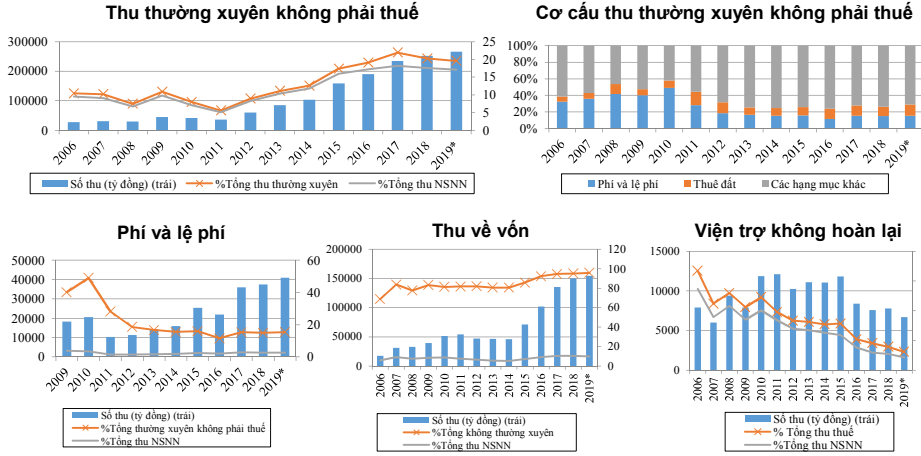
Nguồn: Tác giả tính toán theo Bộ Tài Chính (2007-2017).

16

# VESS Thu ngân sách ngoài thuế

## Thu thường xuyên và không thường xuyên

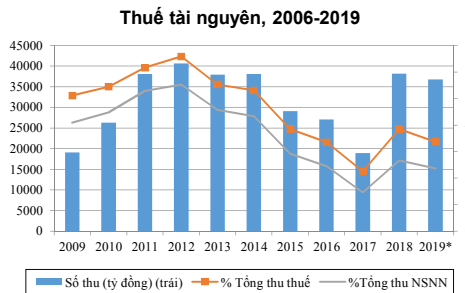
- Khoản thu khác ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong thu thường xuyên không phải thuế. Tỷ trọng thu từ phí và lệ phí đang có xu hướng giảm dần theo thời gian.



Ghi chú: Số liệu năm 2019 là ước tính lần 2. Các năm còn lại là số liệu đã quyết toán.

# VESS Thu từ tài nguyên thiên nhiên

- Thuế sử dụng nguồn lực tự nhiên đang giảm về tỷ trọng và số thu.
- Thuế tài nguyên được áp dụng cho khoáng sản, dầu khí, sản phẩm của rừng (trừ động vật), hải sản tự nhiên, nước thiên nhiên, yếm sào thiên nhiên.
- Mức thuế suất thấp nhất của thuế này là 1% và mức thuế suất cao nhất là 40%.
- Ngoài thuế tài nguyên, doanh nghiệp phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.
- Thuế suất thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp dầu khí và các kháng sản quý hiếm cũng cao hơn các doanh nghiệp khác (từ 32% đến 50%).



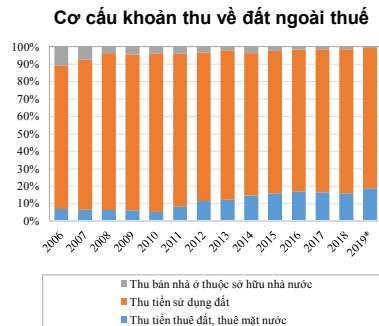
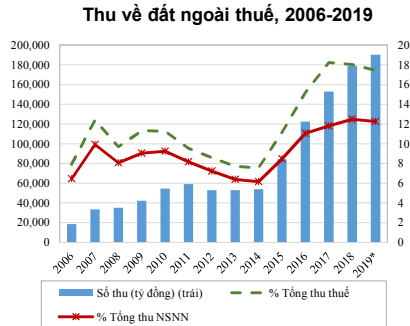
Ghi chú: Số liệu năm 2019 là ước tính lần 2. Các năm còn lại là số liệu đã quyết toán.

Nguồn: Tác giả tính toán theo Bộ Tài Chính (2007-2020)

- Luật số 45/2009/QH12: Thuế tài nguyên.
- Điều 77, Luật Khoáng sản 2010(60/2010/QH12).
- Điều 65 Luật Tài nguyên nước (17/2012/QH13).
- Luật Dầu khí năm 1993 được sửa đổi bổ sung năm 2000 và 2008.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008.

## VESS Thu từ đất ngoài thuế

- Tỷ trọng và số thu của khoản thu từ đất ngoài thuế tăng khá mạnh từ năm 2014. Năm 2019, tổng các khoản thu này chiếm 12,2% tổng thu ngân sách nhà nước và bằng 17,4% tổng thu thuế. Trong các khoản thu này, thu tiền sử dụng đất chiếm tỷ trọng lớn nhất.



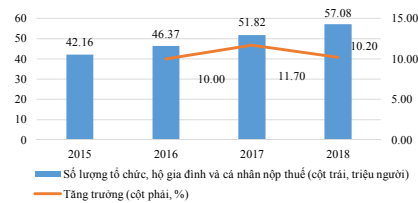
Ghi chú: Số liệu năm 2019 là ước tính lần 2. Các năm còn lại là số liệu đã quyết toán.

Nguồn: Tác giả tính toán theo Bộ Tài Chính (2007-2019).

## VESS Cá nhân và tổ chức chịu thuế

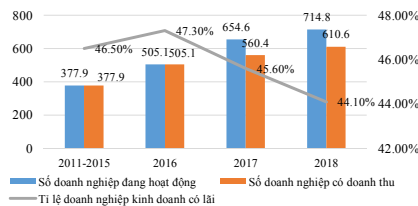
- Năm 2018, số lượng tổ chức, hộ gia đình và cá nhân nộp thuế là hơn 57 triệu người, tăng 10,2% so với năm 2017.
- Số liệu chi tiết về số người nộp thuế TNCN, số doanh nghiệp nộp thuế TNDN và các loại thuế khác không được thông kê trong Niên giám Thống kê Tài chính và do đó không được công bố công khai.
- Tính đến 31/12/2018, cả nước có 714,8 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động, tăng 9,2% so với cùng thời điểm năm 2017. Trong đó, 610,6 nghìn doanh nghiệp có doanh thu (chiếm 85,4%).
- Tỷ lệ doanh nghiệp kinh doanh có lãi năm 2018 là 44,1%, tương đương 269,3 nghìn doanh nghiệp. Dù tăng về số lượng doanh nghiệp và số lượng doanh nghiệp có doanh thu, tỷ lệ doanh nghiệp kinh doanh có lãi đã giảm liên tục trong giai đoạn 2016-2018.

**Số lượng và tăng trưởng tổ chức, hộ gia đình và cá nhân nộp thuế, 2015-2018**



Nguồn: Niên giám Thống kê Tài chính (2020)

**Tình hình hoạt động của doanh nghiệp, 2011-2018**



Nguồn: TCTK (2020)

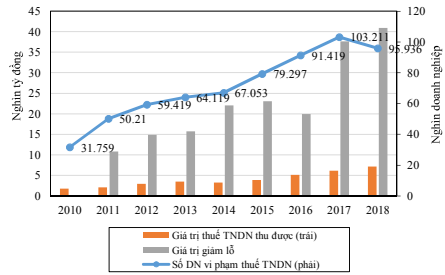
# VESS Nợ thuế và vi phạm thuế

## Tình trạng nợ thuế

- Tình trạng nợ thuế cũng diễn ra rất phổ biến. Báo cáo Tổng hợp Kết quả kiểm toán năm 2019 của Kiểm toán Nhà nước cho biết, tính đến 31/12/2018, tổng số tiền nợ thuế do cơ quan thuế quản lý là 86,68 nghìn tỷ đồng, tương đương với 8% tổng thu NSNN năm 2018.
- Nợ thuế do ngành Hải quan quản lý là 6,72 nghìn tỷ đồng, tương đương với 2,14% số thu của ngành Hải quan trong năm 2017.

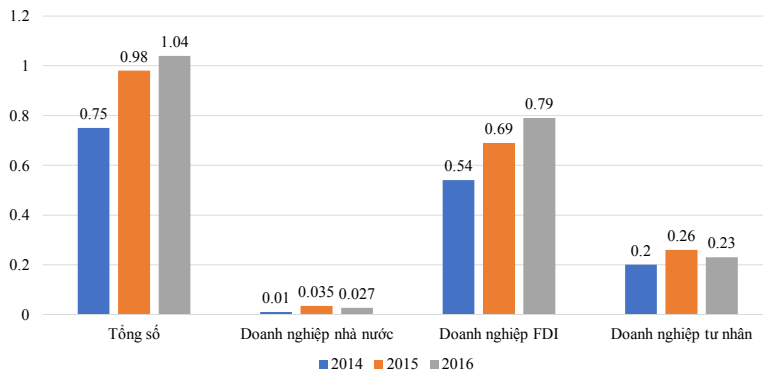
## Tình hình vi phạm thuế

Tình hình vi phạm thuế TNDN giai đoạn 2010–2018



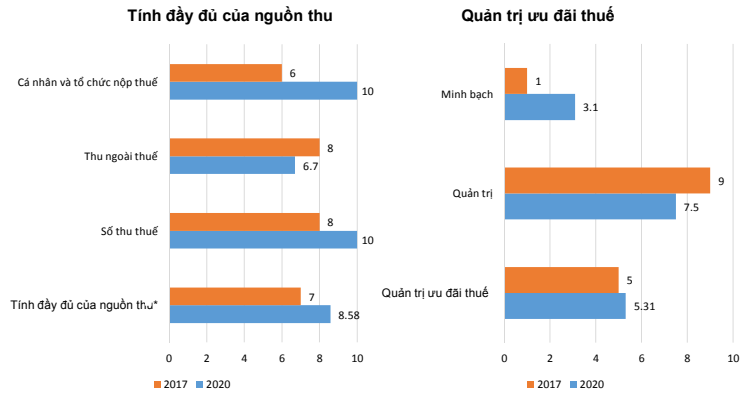
Nguồn: Trích lại VATJ (2020) từ Tổng cục Thuế (2019)

# VESS Ưu đãi thuế



Nguồn: GSO (2018)

**Tính đầy đủ của nguồn thu và quản trị ưu đãi thuế\***



\* Tạm dịch từ thuật ngữ Well governed tax exemptions trong Bộ chỉ số FTM

Nguồn: Tính toán của tác giả từ Bộ câu hỏi FTM.

- Giới thiệu về Chỉ số công bằng Thuế
- Một số đặc điểm cơ bản của hệ thống thuế Việt Nam hiện nay
- Tính đầy đủ của nguồn thu ngân sách
- Quản lý hành chính về thuế
- Công bằng từ chi ngân sách
- Minh bạch và trách nhiệm giải trình trong thu chi ngân sách
- Kết quả Chỉ số công bằng Thuế Việt Nam 2020

# VESS Hành chính thuế

## Tổ chức

- Tổng cục Thuế: thuế nội địa.
- Tổng cục Hải quan: thuế với hàng ngoại thương.
- Phí và lệ phí: các cơ quan có cung cấp các hàng hoá dịch vụ công.
- Vụ Quản lý thuế doanh nghiệp lớn.

## Nguồn nhân lực

- Số nhân viên ngành thuế giảm từ mức 45 nghìn người (2016) xuống còn 40 nghìn người (2019).
- Hết tháng 2/2020, toàn hệ thống thuế đã hoàn thành việc hợp nhất các Chi cục Thuế.
- Số lượng chi cục ở cấp tỉnh, cấp huyện giảm từ 711 xuống 415 chi cục, giảm đến 2.100 đội thuế.

## Hạ tầng thông tin

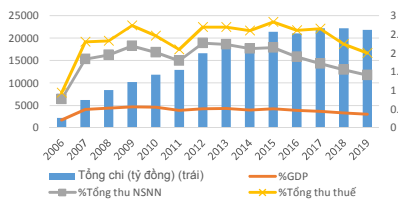
- Đầu tư rất lớn cho cơ sở hạ tầng để quản lý dữ liệu của cá nhân và doanh nghiệp nộp thuế. Cung cấp các phần mềm khai thuế qua mạng.
- Ngành thuế có cơ sở hạ tầng về thông tin hiện đại hơn nhiều so với các ngành khác.

## Chi phí thu ngân sách

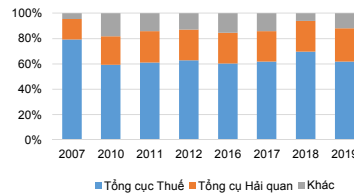
- Nếu như năm 2015, để thu được 100 đồng tiền thuế, NSNN phải bỏ ra 2,8 đồng thì con số này năm 2018 chỉ còn 2,24 đồng.
- Tuy nhiên, chi phí thu thuế của Việt Nam vẫn cao hơn so với các nước OECD (để thu được 100 đồng tiền thuế chỉ phải bỏ ra 1 đồng), Banglades (để thu được 100 đồng tiền thuế chỉ phải bỏ ra 1,35 đồng năm 2013) (VATJ, 2018).

# VESS Chi phí thu ngân sách

Tổng chi của Bộ Tài chính

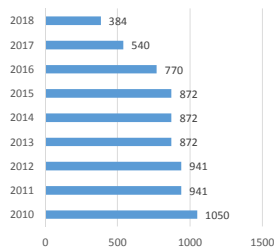


Cơ cấu chi của Bộ Tài chính

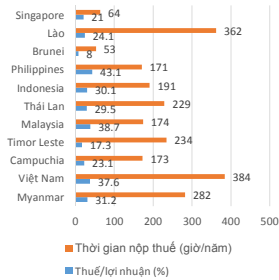


Nguồn: Tác giả tính toán theo Bộ Tài Chính (2007-2020).

Thời gian nộp thuế của Việt Nam (giờ/năm)



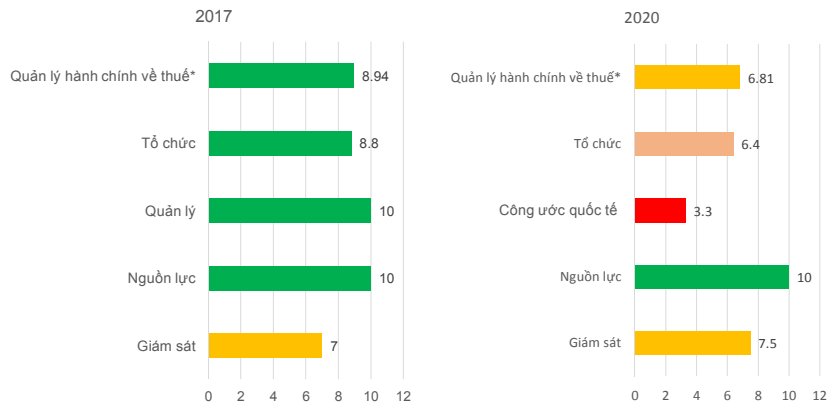
Thời gian nộp thuế của các nước ASEAN 2018 (giờ/năm)





## Kết quả Chỉ số FTM về quản lý hành chính thuế của Việt Nam

### Quản lý hành chính thuế 2017 - 2020



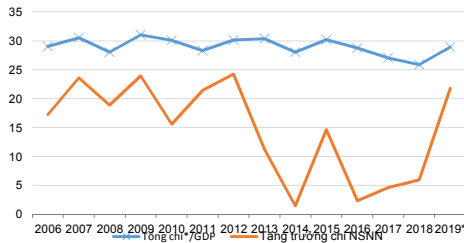
Nguồn: Tính toán của tác giả từ Bộ câu hỏi FTM

## Nội dung

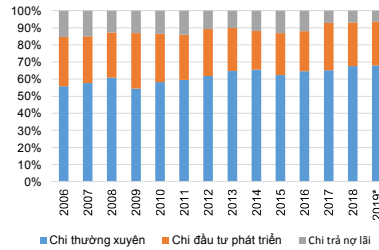
- Giới thiệu về Chỉ số công bằng Thuế
- Một số đặc điểm cơ bản của hệ thống thuế Việt Nam hiện nay
- Tính đầy đủ của nguồn thu ngân sách
- Quản lý hành chính về thuế
- Công bằng từ chi ngân sách
- Minh bạch và trách nhiệm giải trình trong thu chi ngân sách
- Kết quả Chỉ số công bằng Thuế Việt Nam 2020

# VESS Tổng chi ngân sách nhà nước

Chi ngân sách nhà nước

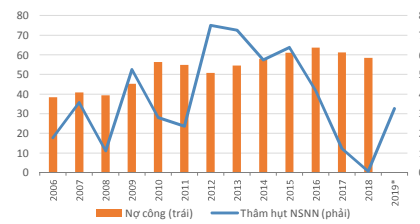


Cơ cấu chi ngân sách nhà nước



- Trước năm 2015, chi ngân sách của Việt Nam tương đối ổn định. Bình quân giai đoạn 2006-2014, chi ngân sách chiếm khoảng 29% GDP.
- Giai đoạn 2015-2019, chi ngân sách của Việt Nam so với GDP giảm liên tục, từ 30% GDP năm 2015 xuống chỉ còn 25,9% GDP năm 2018.
- Số liệu ước tính năm 2019 cho thấy chi ngân sách so với GDP đã tăng trở lại, ước đạt 28,9% GDP

Thâm hụt ngân sách và nợ công

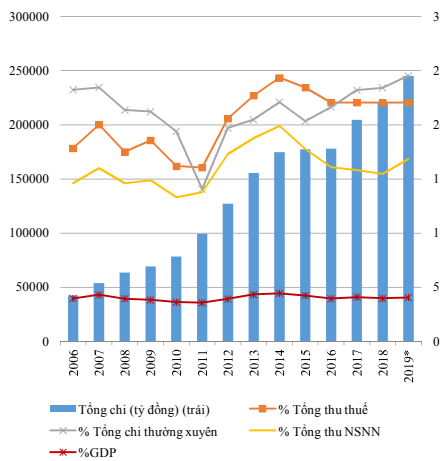


Ghi chú: Số liệu năm 2019 là ước tính lần 2. Các năm còn lại là số liệu đã quyết toán.  
 Copyright © VESS 2020. Nguồn: Tác giả tính toán theo Bộ Tài Chính (2007-2020). Ghi chú: Chi ngân sách không bao gồm chi kết chuyển và có bao gồm chi trả nợ gốc). 29

# VESS Chi cho giáo dục và đào tạo

- Chi cho giáo dục đang tăng nhanh về số chi và ổn định về tỷ trọng.
- Từ năm 2016-2019, chi cho giáo dục chiếm khoảng 22% tổng thu thuế, khoảng 23,2% chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, khoảng 16% tổng thu ngân sách nhà nước và khoảng 4% GDP.
- Việt Nam có nhiều chính sách chi tiêu để nhóm người yếu thế tiếp cận với giáo dục: miễn giảm học phí, hỗ trợ lương thực.
- Khi phân bổ ngân sách cho giáo dục, định mức dành cho các tỉnh miền núi, miền cao và hải đảo có hệ số cao hơn các tỉnh vùng đồng bằng.
- Miễn học phí cho tất cả học sinh tiểu học trên cả nước.

Chi cho giáo dục và đào tạo, 2006-2019

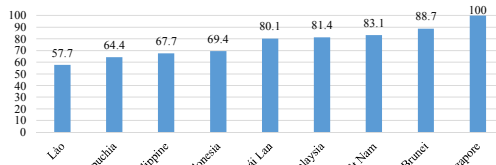


Ghi chú: Số liệu năm 2019 là ước tính lần 2. Các năm còn lại là số liệu đã quyết toán.  
 Nguồn: Tác giả tính toán theo Bộ Tài Chính (2007-2020)

## VESS Chi cho y tế

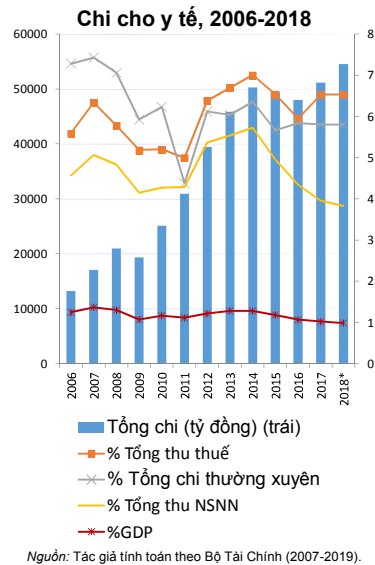
- Dù tăng về số chi tuyệt đối trong giai đoạn 2016-2018 nhưng tỉ trọng của chi thường xuyên cho Y tế so với GDP giảm liên tục kể từ năm 2013 đến năm 2018.
- Năm 2013, chi thường xuyên cho Y tế chiếm gần 1,3% GDP thì tới năm 2018 chỉ còn chiếm 0,98% GDP.
- Tỉ lệ % chi thường xuyên cho Y tế so với tổng thu NSNN cũng giảm liên tục kể từ năm 2014 trở lại đây từ 5,7% năm 2014 xuống chỉ còn 3,8% năm 2018.

Chỉ số cạnh tranh toàn cầu về Y tế, 2017-2018



Chú thích: Điểm cao nhất là 7.  
 Nguồn: World Economic Forum (2020).

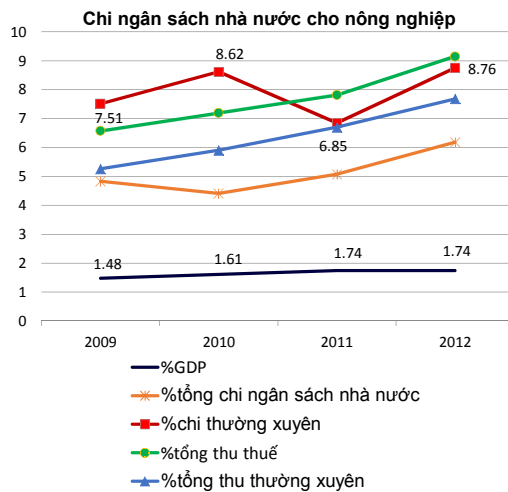
Copyright © VESS 2020



Nguồn: Tác giả tính toán theo Bộ Tài Chính (2007-2019).

31

## VESS Chi cho nông nghiệp



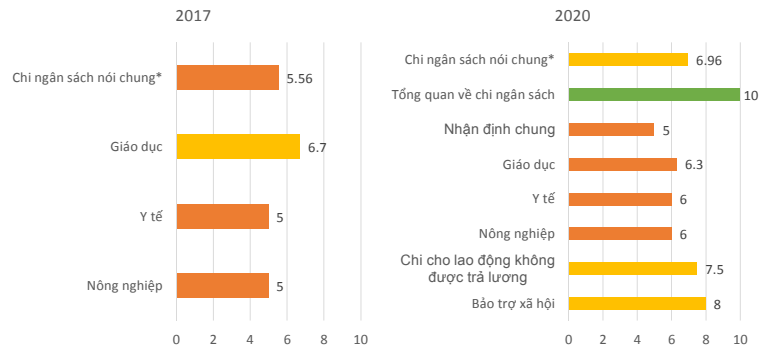
Nguồn: WB (2017), Báo cáo Đánh giá Chỉ tiêu công Việt Nam trang 59.

Copyright © VESS 2020

- Chi ngân sách Việt Nam không được tổng hợp theo ngành nên số liệu về chi nông nghiệp của Việt Nam không có sẵn trong báo cáo thu chi ngân sách nhà nước.
- Theo WB (2017), chi NSNN cho nông nghiệp chiếm dưới 2% GDP, và dưới 10% tổng thu thuế và dưới 8% tổng thu ngân sách nhà nước.
- Chính sách cho nông nghiệp: Chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa, Chính sách miễn thu thủy lợi phí, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển rừng, xây dựng cơ sở hạ tầng cho vùng nông thôn (đường xá, kênh mương).

32

**Chi tiêu ngân sách cho nhóm người dễ bị tổn thương, 2017-2020**



Nguồn: Tính toán của tác giả từ Bộ câu hỏi FTM.

- Giới thiệu về Chỉ số công bằng Thuế
- Một số đặc điểm cơ bản của hệ thống thuế Việt Nam hiện nay
- Tính đầy đủ của nguồn thu ngân sách
- Quản lý hành chính về thuế
- Công bằng từ chi ngân sách
- Minh bạch và trách nhiệm giải trình trong thu chi ngân sách
- Kết quả Chỉ số công bằng Thuế Việt Nam 2020

## VESS Khả năng tiếp cận thông tin và kiểm toán

### Khả năng tiếp cận thông tin

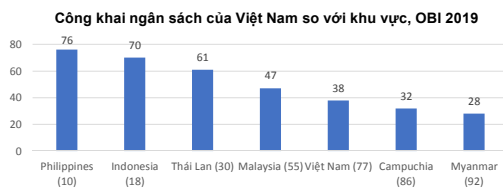
- Luật tiếp cận thông tin năm 2016 quy định 14 loại thông tin người dân được quyền tiếp cận, bao gồm các nội dung liên quan đến thu chi ngân sách.
- Điều 15 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 đã quy định rõ về việc công khai các số liệu về ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan đến thu chi ngân sách nhà nước.
- Người dân có thể tiếp cận văn bản pháp luật tại: <http://vbpl.vn/pages/portal.aspx>
- Số liệu về thu chi ngân sách: <http://ckns.mof.gov.vn>

### Kiểm toán

- Các cơ quan thuế thường bị kiểm toán 2 năm một lần. Những đơn vị có những dấu hiệu bất thường có thể bị kiểm toán hàng năm.
- Kiểm toán Nhà nước là cơ quan độc lập với Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan.
- Quy trình kiểm toán Báo cáo Quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện theo Quyết định số 03/2013/QĐ-KTNN.
- Từ năm 2015 đến nay, người dân có thể tiếp cận được báo cáo tổng hợp kiểm toán NSNN tại <https://hoatdongkiemtoan.sav.gov.vn/>

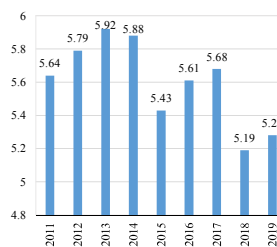
## VESS Minh bạch

- Bộ Tài chính công bố: Dự toán NSNN, Ước tính thực hiện NSNN lần 1, Ước tính thực hiện NSNN lần 2 và Quyết toán NSNN.
- Dự toán NSNN: được công bố muộn nhất là vào tháng 12 năm trước, và công bố theo các cấp và các cơ quan trung ương.
- Quyết toán ngân sách của các địa phương và các cơ quan trung ương được công bố rất chậm có thể sau 6-7 năm.
- Có sự khác nhau về phương pháp thống kê ngân sách VN giữa công khai trong nước và quốc tế.
- Số liệu về khoản thu ngân sách bị hao hụt do ưu đãi thuế không được thống kê và công bố chính thức.
- Do cơ chế tự khai tự nộp và tự chịu trách nhiệm nên danh sách các công ty được miễn giảm thuế cũng chưa bao giờ được tập hợp.
- Chi phí lợi ích đúng nghĩa về miễn giảm thuế cũng chưa bao giờ được tiến hành.

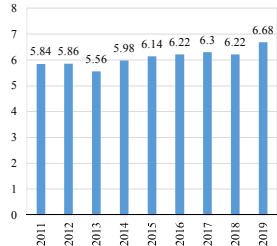


Nguồn: IBP (2020)

**Cảm nhận của người dân**



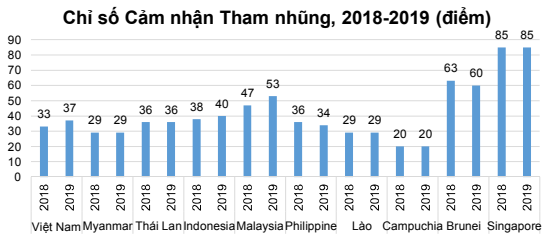
**Cảm nhận của doanh nghiệp**



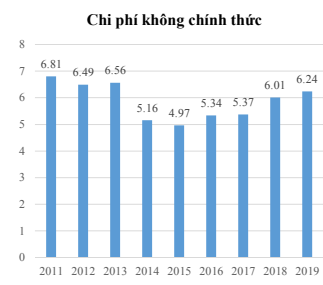
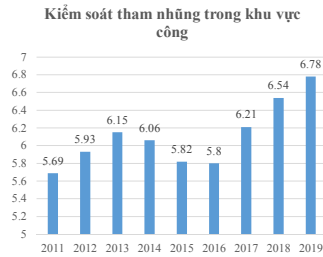
Nguồn: CECODES, VFF-CRT & UNDP (2020), VCCI (2020)

## VESS Tham nhũng

- Theo VCCI (2020), có 54,1% (2019), 58,2% (2018) doanh nghiệp nói rằng tình trạng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục vẫn thường xuyên xảy ra.
- Chỉ số kiểm soát tham nhũng trong PAPI đã cải thiện đáng kể trong giai đoạn 2016-2019. Nếu như năm 2016, chỉ số kiểm soát tham nhũng chỉ đạt 5,8/10 điểm thì năm 2019 đã tăng lên 6,78/10 điểm.
- Chỉ số cảm nhận tham nhũng của Việt Nam có sự cải thiện đáng kể trong khu vực Đông Nam Á cùng với các quốc gia như Indonesia và Malaysia.



Copyright © VESS 2020 Nguồn: Transparency International (2020)



Nguồn: CECODES, VFF-CRT & UNDP (2020), VCCI (2020) **37**

## VESS Sự tham gia của người dân

### Cơ chế khiếu nại tố cáo

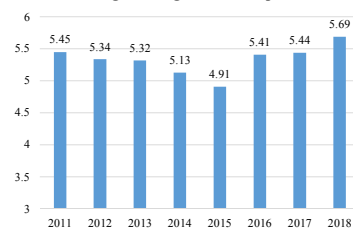
- Chương 16 của Luật Quản lý thuế 2019, Luật Khiếu nại 2011 và Luật Tố cáo 2011
- Vụ kiểm tra nội bộ, Phòng kiểm tra nội bộ.
- Bình quân khoảng hơn 300 cán bộ thuế, hải quan bị kỷ luật trong một năm.
- Năm 2019, tỉ lệ người gửi khiếu nại cảm thấy thoải mái khi được chính quyền phúc đáp thỏa đáng chỉ là 20,17%, thấp hơn so với 21,89% của năm 2018.

### Sự tham gia của người dân vào văn bản luật

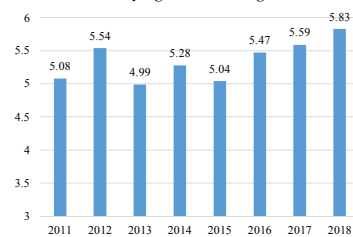
- Các dự thảo đều được công khai trên trang <http://duthaonline.quochoi.vn>.
- Các buổi tọa đàm hoặc hội thảo để giới thiệu về các dự thảo luật được tổ chức.
- Người dân được tham gia nhiều hơn vào các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể, đoàn hội và tham gia bầu cử, đặc biệt là ở cấp cơ sở.

Copyright © VESS 2020

### Tham gia của người dân ở cấp cơ sở



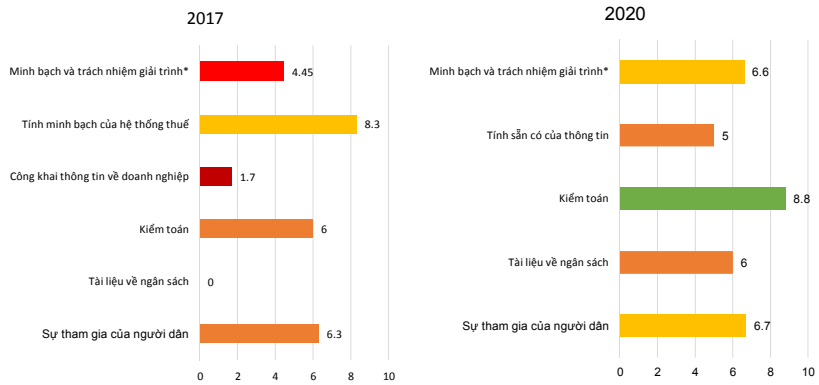
### Trách nhiệm giải trình với người dân



Nguồn: CECODES, VFF-CRT & UNDP (2012-2019) **38**

## Kết quả Chỉ số FTM về minh bạch và trách nhiệm giải trình tại Việt Nam

### Minh bạch và trách nhiệm giải trình



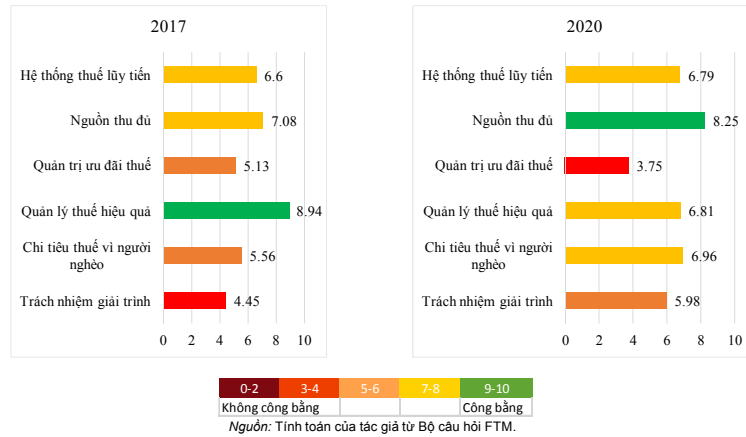
Nguồn: Tính toán của tác giả từ Bộ câu hỏi FTM.

## Nội dung

- Giới thiệu về Chỉ số công bằng Thuế
- Một số đặc điểm cơ bản của hệ thống thuế Việt Nam hiện nay
- Tính đầy đủ của nguồn thu ngân sách
- Quản lý hành chính về thuế
- Công bằng từ chi ngân sách
- Minh bạch và trách nhiệm giải trình trong thu chi ngân sách
- Kết quả Chỉ số công bằng Thuế Việt Nam 2020

## Kết quả chung Chỉ số FTM của Việt Nam

### Chỉ số Công bằng thuế Việt Nam, 2017-2020



## Các khuyến nghị chính sách chính

### Khuyến nghị về thu ngân sách:

- ❖ Cần có phương án cắt giảm chi tiêu hiệu quả và tìm nguồn thu bền vững hơn trong bối cảnh thuế trực thu đang chiếm tỷ trọng ngày càng thấp.
- ❖ Đẩy nhanh tiến độ dự án Thuế tài sản, đưa vào chương trình làm Luật của Quốc hội trong nhiệm kỳ 2021-2026.
- ❖ Cần có những thay đổi trong tỷ lệ, số lượng thu nhập hoặc đối tượng phải nộp thuế liên quan đến từng khung để tính thuế suất thuế TNCN, thay vì chỉ đề cập đến thu nhập tối thiểu không phải nộp thuế hay nâng mức giảm trừ gia cảnh.
- ❖ Rà soát lại chính sách ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp FDI. Cần tính toán và công khai thông tin về chi qua thuế thông qua hình thức ưu đãi thuế cho doanh nghiệp.



## **VESS** Các khuyến nghị chính sách chính

### **Khuyến nghị về chi ngân sách:**

- ❖ Việt Nam cần nỗ lực hơn nữa trong việc cơ cấu lại các khoản chi ngân sách để giảm nợ công, giảm thâm hụt ngân sách.
- ❖ Chi ngân sách cho y tế cần được tăng thêm nhưng cần chú ý phối hợp với chính sách bảo hiểm y tế và nâng cao tính hiệu quả của sự phối hợp này.
- ❖ Các số liệu về chi đầu tư phát triển cho lĩnh vực y tế, giáo dục cần được công khai trong các báo cáo ngân sách. Đặc biệt, cần công khai, minh bạch số liệu về chi cho nông nghiệp (bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển) trong các báo cáo ngân sách. Việt Nam cần công khai các khoản thu của các quỹ ngoài ngân sách cho người dân được biết.
- ❖ Chính phủ cũng cần tiếp tục cải thiện tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong thu và chi ngân sách ở mọi cấp chính quyền. Lấy việc công khai làm tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức và cá nhân phụ trách.

**VESS**

# THANK YOU

## Q&A

Câu hỏi và trao đổi vui lòng gửi về:

Email: [info@vess.org.vn](mailto:info@vess.org.vn)

Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS),

Tầng 7, Toà nhà Kim khí Thăng Long, Số 01 Lương Yên, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Website: [vess.org.vn](http://vess.org.vn)

Điện thoại: (+84) 975608677

# **Thực trạng thu, chi ngân sách trong điều kiện dịch COVID-19 và một số khuyến nghị về chính sách tài khóa**

*TS. Lê Hoài Nam, Vụ Tổng hợp, Kiểm toán Nhà nước*

# THỰC TRẠNG THU, CHI NGÂN SÁCH TRONG ĐIỀU KIỆN DỊCH COVID-19 VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ VỀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA

Lê Hoài Nam

*Chuyên gia nghiên cứu độc lập*

## Nội dung trình bày

### Tác động của Covid-19

01. Tác động của dịch Covid-19 đến thu NSNN

02. Tác động của dịch Covid -19 đến chi NSNN

### Chính sách tài khóa trong điều kiện hiện nay: Cơ hội và thách thức

01. Mục tiêu kép trong phòng chống dịch Covid-19

02. Chính sách thu

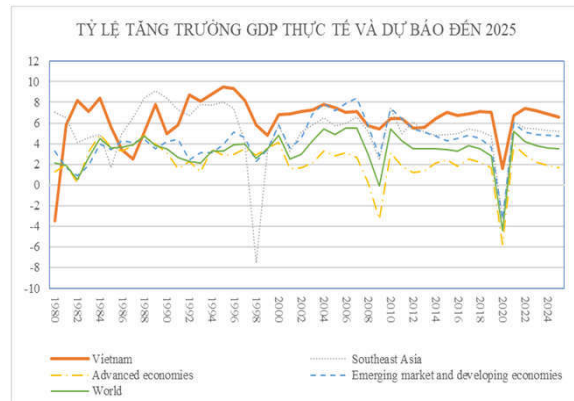
03. Chính sách chi

04. Bộ chỉ ngân sách và quản lý nợ công

## Tác động của dịch bệnh Covid-19 đến THU NSNN

Quý tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo GDP của thế giới năm 2020 giảm 4,4%, trong khi Việt Nam là một trong ít quốc gia trên thế giới có tỷ lệ tăng trưởng GDP dương 1,6%. Song với việc giảm tỷ lệ tăng trưởng GDP từ 7,02% xuống khoảng 1,6% sẽ làm giảm thu NSNN so với năm trước khoảng 68 nghìn tỷ đồng.

Bên cạnh đó, với việc triển khai thực hiện hàng loạt các giải pháp miễn, giảm, giãn các loại thuế, phí, lệ phí do dịch COVID-19 và ảnh hưởng của dự toán lập cao, Bộ Tài chính dự kiến năm 2020, NSNN sẽ hụt thu khoảng 189,2 nghìn tỷ đồng, giảm 12,5% so với dự toán và 14,7% so với thực hiện năm 2019



## Tác động của dịch bệnh Covid-19 đến CHI NSNN

### ***Đại dịch Covid-19 có tác động đa chiều tới chi NSNN.***

Một mặt, dịch bệnh Covid-19 đã góp phần làm giảm chi tiêu NSNN đối với các hoạt động đối ngoại, chi đoàn ra, chi phí hội, họp...

Mặt khác, đại dịch Covid-19 cũng làm tăng lên các chi phí phòng, chống dịch bệnh và triển khai các gói hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp cho người dân khắc phục hậu quả dịch bệnh, ổn định kinh tế - xã hội, đặc biệt trong trường hợp dịch bệnh diễn biến phức tạp, đòi hỏi cần triển khai nhiều giải pháp phòng, chống dịch trên diện rộng.

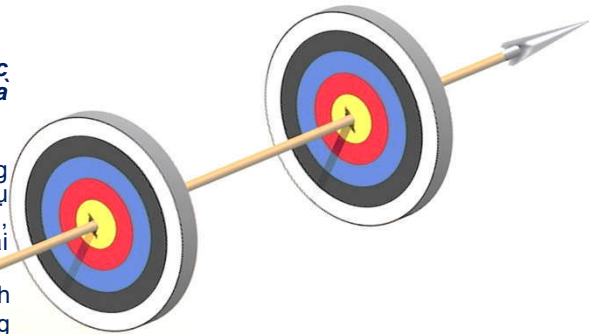


## Mục tiêu kép trong phòng chống dịch Covid-19

**Mục tiêu của Việt Nam và hầu hết các quốc gia trên thế giới đều là đẩy lùi dịch bệnh và phát triển kinh tế - xã hội**

Kinh tế toàn cầu suy thoái trầm trọng trong ngắn hạn và dự báo phục hồi chậm và phụ thuộc rất nhiều vào việc kiểm soát dịch bệnh, sản xuất thuốc và vắc xin trong trung và dài hạn.

Tại Việt Nam trong thời gian qua, tình hình dịch bệnh cơ bản được kiểm soát, hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nước hầu hết được khôi phục. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khó khăn, các hoạt động giao thông vận tải, du lịch quốc tế vẫn đóng băng, hàng hóa xuất nhập khẩu giảm sút do phụ thuộc vào thị trường nước ngoài.



## Thách thức

Độ mở của nền kinh tế và tác động của suy thoái toàn cầu

Nhiều ngành kinh tế tiếp tục bị ảnh hưởng và suy thoái cùng với sự suy thoái của ngành, lĩnh vực tương ứng trên thế giới như hàng không, du lịch, dịch vụ...

Sức mua của thị trường yếu, nguồn vốn đầu tư nước ngoài giảm sút...



## Cơ hội

Việc ổn định sản xuất trong thời gian qua, tạo lợi thế cho hàng hóa Việt Nam xuất khẩu ra thị trường thế giới, đặc biệt là việc xuất khẩu các ngành hàng và lĩnh vực mà các quốc gia có truyền thống đang gặp khó khăn trong đối phó với dịch Covid-19 như máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, điện thoại các loại linh kiện....

Cơ hội lớn cho Việt Nam trong: (i) Chiếm lĩnh thị trường trong nước; (ii) Mở rộng thị trường, lĩnh vực và ngành nghề xuất khẩu hàng hóa ra các nước; (iii) Củng cố nội lực của nền kinh tế, tăng tính chủ động trong cung ứng nguyên vật liệu, kiểm soát chất lượng đầu vào, từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra để tiến tới tái cơ cấu nền kinh tế.



## Lựa chọn chính sách tài khóa – Thu NSNN

Thứ nhất, tiếp tục thực hiện các giải pháp quản lý chặt chẽ nguồn thu, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra thuế đối với thu thuế, phí, lệ phí

Thứ hai, cần nhắc thận trọng trong việc tăng thu từ các nguồn bán tài sản, quyền tài sản với việc chấp nhận tăng bội chi NSNN và tăng nợ công trong ngắn hạn. *Trước mắt, trong năm 2020, Chính phủ nên chọn lựa giải pháp tăng trần nợ công từ 4,99% GDP như hiện nay lên tối đa 5,59% GDP để giảm áp lực thu được tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp 38,5 nghìn tỷ đồng.*

Thứ ba, trong bối cảnh hội nhập kinh tế bị hạn chế do dịch bệnh, đây là “thời điểm vàng” để Việt Nam tăng cường tiềm lực để từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp phụ trợ, máy móc công nghệ xuất khẩu.



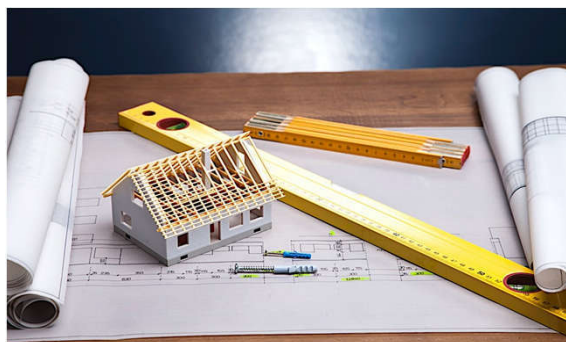
## Lựa chọn chính sách tài khóa – Chi NSNN

### **Chi đầu tư phát triển**

Có những chính sách giảm ngân vốn ĐTPT đột phá trong ngắn hạn

Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong xây dựng dự toán và giải ngân vốn đầu tư công, tập trung vào trách nhiệm người đứng đầu trong xây dựng dự toán để tiết kiệm nguồn lực NSNN

Thường xuyên cập nhật tình hình giải ngân vốn đầu tư công để điều chỉnh kế hoạch phát hành trái phiếu và vay nợ Chính phủ (nếu có) phù hợp nhằm đảm bảo các nguồn vốn huy động không bị tồn đọng, lãng phí trong trường hợp nguồn vốn đầu tư phát triển phải chuyển nguồn qua nhiều năm.



## Lựa chọn chính sách tài khóa – Chi NSNN

### **Chi thường xuyên và chi khác**

Tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên theo lộ trình và giải pháp đã đề ra

Hỗ trợ cho người dân và doanh nghiệp gián tiếp thông qua việc trợ giá các mặt hàng thiết yếu do nhà nước quản lý như giá điện, giá xăng dầu...

Tăng các khoản chi hỗ trợ để nâng cao tiềm lực nền kinh tế cả trong ngắn hạn và dài hạn

Quản lý chặt chẽ các nội dung chi hỗ trợ, chi an sinh xã hội đã ban hành, đảm bảo các nội dung chi đúng đối tượng, đúng mục tiêu đã đặt ra



## Lựa chọn chính sách tài khóa – Bội chi NSNN và Nợ công

Tăng bội chi NSNN trong ngắn hạn ở mức cao từ 5-7% GDP

NSNN có dư địa lớn (tối đa 65% GDP) cho NSNN có thể tiếp tục duy trì mức độ bội chi NSNN trên 5% GDP trong ngắn hạn (từ 3-5 năm)

Góp phần giảm lãi suất vay, tạo cơ hội cho NSNN tái cơ cấu lại các khoản nợ với hạn mức phù hợp và mức lãi suất thấp hơn giai đoạn trước

Trong dài hạn, Việt Nam sẽ có cơ sở thuận lợi để cổ phần hóa doanh nghiệp, cải cách, căn bản nền tài chính công và tạo động lực để bứt phá cho nền kinh tế.



## Thank you

Thanks to your listening.  
We look forward to working together.

**Lê Hoài Nam**

Email: [Lehoainam@gmail.com](mailto:Lehoainam@gmail.com)

Điện thoại: 0904.261.262



# **Ảnh hưởng của vay nợ Chính phủ đối với tăng trưởng kinh tế tư nhân tại Việt Nam**

*NCS. ThS Lưu Huyền Trang, Giảng viên Học viện Tài chính*

**CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA HỖ TRỢ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ  
VÀ GẮN KẾT XÃ HỘI**

**ẢNH HƯỞNG CỦA VAY NỢ CHÍNH PHỦ TỚI  
ĐẦU TƯ TƯ NHÂN TẠI VIỆT NAM**

*Ths. Lưu Huyền Trang – Học Viện Tài Chính*

**NỘI DUNG**

**VAY NỢ CHÍNH PHỦ VÀ ĐẦU TƯ TƯ NHÂN  
TẠI VIỆT NAM**

**PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG**

**MỘT SỐ KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT**

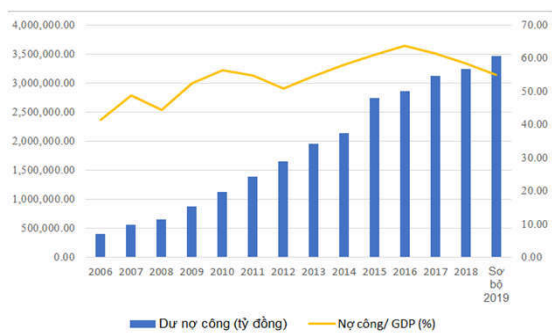
## 1. VAY NỢ TRONG NƯỚC CỦA CHÍNH PHỦ VÀ ĐẦU TƯ TƯ NHÂN TẠI VIỆT NAM

### ❑ Nguyên nhân vay nợ chính phủ:

Thu chi NSNN tại Việt Nam chưa cân đối, thâm hụt NSNN kéo dài  $\Rightarrow$  Vay nợ để bù đắp bội chi NSNN

### ❑ Tình hình vay nợ

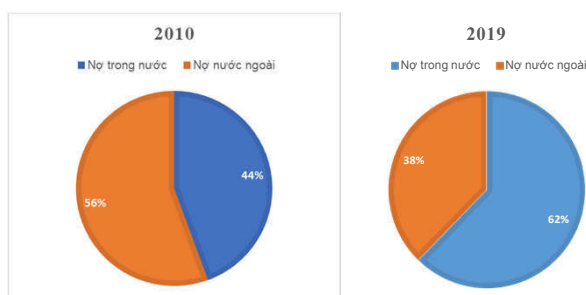
**Quy mô nợ công:** Tăng liên tục qua các năm (Nợ công năm 2019 bằng 8,6 lần quy mô nợ công năm 2006)



### ❑ Cơ cấu nợ công:

Nợ nước ngoài: chiếm tỉ trọng ngày càng thấp

Nợ trong nước: chiếm tỉ trọng ngày càng cao



Nguồn: Tính toán của tác giả từ Bản tin nợ công

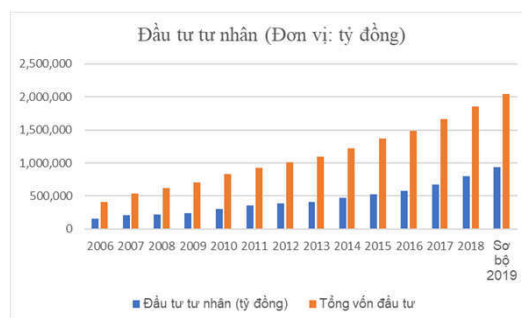
## 1. VAY NỢ CHÍNH PHỦ VÀ ĐẦU TƯ TƯ NHÂN TẠI VIỆT NAM

### ❑ Đầu tư tư nhân tại Việt Nam

- Quy mô đầu tư tư nhân: gia tăng liên tục cùng với sự gia tăng của tổng nguồn vốn đầu tư của toàn xã hội
- Tỷ trọng của đầu tư tư nhân trong tổng vốn xã hội ngày càng lớn (2019 chiếm xấp xỉ 50%).
- Tỷ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm của đầu tư tư nhân là xấp xỉ 18%

### ❑ Đặc điểm của doanh nghiệp tư nhân

- Số lượng các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chiếm số lượng áp đảo trên tổng số các doanh nghiệp trong nước
- Nguyên nhân chính: các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận với các nguồn lực tài chính trong nền kinh tế



Nguồn: Tổng cục thống kê

## 2. PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG

### □ Một số nghiên cứu

Đầu tư của khu vực tư nhân bị ảnh hưởng tiêu cực bởi những thay đổi trong chính sách tài khóa:

- Barro (1977) cho rằng: “Sự suy giảm trong đầu tư tư nhân có thể bắt nguồn từ việc chính phủ cắt giảm thuế do thâm hụt ngân sách, chính phủ tăng chi tiêu tiêu dùng”
- Hiệu ứng lấn át: chi tiêu của khu vực công tăng lên làm giảm hoặc thậm chí loại bỏ chi tiêu của khu vực tư nhân
- Wray (1989), Maana và cộng sự (2008), Caspah Lidiema (2018) nợ trong nước của Chính phủ ảnh hưởng đến cách các nhà đầu tư khu vực tư nhân có thể tiếp cận tín dụng, do đó tác động tới quy mô nguồn vốn của các doanh nghiệp
- Aghion et al.,(2006), tiết kiệm trong nước của chính phủ ảnh hưởng tới đầu tư của khu vực tư nhân
- Augustine Addo and Fidelis Sunzuoye (2013): lãi suất tín phiếu kho bạc có mối quan hệ tỉ lệ nghịch tới các quyết định đầu tư của doanh nghiệp tư nhân

## 2. PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG

### □ Mô hình nghiên cứu:

$$PSI = f(TBR, GDS, GDD)$$

$$\ln(PSI_t) = \beta_0 + \beta_1 TBR_t + \beta_2 \ln(GDS_t) + \beta_3 \ln(GDD)_t + \varepsilon_1$$

Trong đó:  $\beta_0$ : hằng số;  $\beta_1, \beta_2, \beta_3$ : Hệ số hồi quy;  $\varepsilon_1$ : Sai số của mô hình.

Biến số	Giải thích	Đơn vị tính	Nguồn
GDD	Nợ trong nước của Chính phủ	Tỉ đồng	Bộ Tài Chính
GDS	Tổng tiết kiệm trong nước	Tỉ đồng	World Bank
TBR	Lãi suất tín phiếu kho bạc	%/Năm	CEIC data
PSI	Đầu tư khu vực tư nhân	Tỉ đồng	Tổng cục Thống kê

## 2. PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG

### □ Kiểm định mô hình:

- Kiểm định tính dừng của từng biến: Sử dụng phương pháp kiểm định nghiệm đơn vị ADF và Phillips-Perron cho thấy với mức ý nghĩa 5% thì các chuỗi số liệu dừng ở sai phân bậc 1.
- Kiểm định đồng liên kết: có ít nhất một mối quan hệ đồng liên kết được chấp nhận (mức ý nghĩa 1%, Pvalue = 0.001) → Tồn tại quan hệ dài hạn giữa các biến

⇒ **Lựa chọn mô hình VECM phân tích**

### □ Kết quả mô hình:

$$\Delta LPSI_t = 0.11696 - 0.169597 ETC_{t-1} + 0.206116 \Delta LPSI_{t-1} + 0.042396 \Delta LGDS_{t-1} + 0.006796 \Delta TBR_{t-1} + 0.076649 \Delta LGDD_{t-1}$$

→ Khoảng 0.169597% sự mất cân bằng nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam ở năm trước sẽ được điều chỉnh ở năm tiếp theo và được điều chỉnh theo hướng giảm

## 2. PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG

### □ Kết quả mô hình:

- Kiểm định nhân quả Granger

Mô hình	D(LPSI)	D(LGDS)	D(LGDD)	D(TBR)
D(LPSI)		7.178060*** (0.0074)	16.16661*** (0.0001)	0.062705 (0.8023)

### Nguồn: Tính toán của tác giả

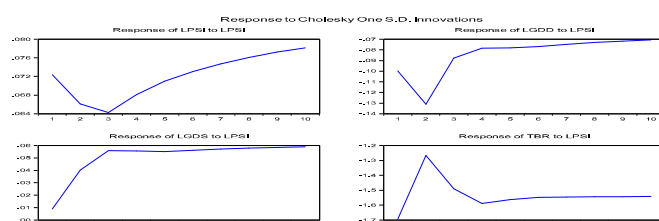
Ghi chú: Số không để trong ngoặc đại diện cho thống kê chi-square, còn dấu trong ngoặc đại diện cho giá trị p-values. Dấu hoa thị (\*), (\*\*), (\*\*\*) đại diện cho các thống kê có ý nghĩa ở mức 10%, 5% và 1%

- Nợ trong nước của Chính phủ, tổng tiết kiệm trong nước là nguyên nhân trực tiếp gây ra sự biến động của nguồn vốn đầu tư doanh nghiệp tư nhân (do p\_value lớn hơn 0.05)
- Lãi suất tín phiếu kho bạc lại không phải là nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng tới nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp tư nhân.

## 2. PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG

### ☐ Kết quả mô hình:

#### ▪ Phân tích phản ứng đẩy



Nguồn: Tính toán từ mô hình

- Khi có một cú sốc đối với nợ trong nước của Chính phủ thì nguồn vốn đầu tư doanh nghiệp tư nhân có phản ứng giảm mạnh trong khoảng 2 năm đầu và sau đó tăng nhanh trong những năm tiếp theo.
- Khi có một cú sốc đối với lãi suất tín phiếu kho bạc thì nguồn vốn đầu tư doanh nghiệp tư nhân sẽ tăng và tạo đỉnh tại năm thứ 2, sau đó giảm mạnh đến năm thứ 4; từ năm thứ 5 đến năm thứ 10 tăng không đáng kể.
- Khi có một cú sốc đối với tổng tiết kiệm trong nước thì nguồn vốn đầu tư doanh nghiệp tư nhân có phản ứng tăng mạnh trong 3 năm đầu và các năm sau đó có xu hướng tăng không đáng kể.

## 2. PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG

### ☐ Kết quả mô hình:

#### ▪ Phân dã phương sai

Varian ce Decom position of LPSI: Period	S.E.	LPSI	LGDD	LGDS	TBR
1	0.072383	100.0000	0.000000	0.000000	0.000000
2	0.098672	98.70121	0.701192	0.597569	3.02E-05
3	0.120666	84.34116	3.335322	0.420321	1.903200
4	0.143356	89.42685	5.969097	0.347476	4.256571
5	0.166007	84.96922	8.259931	0.354982	6.415867
6	0.188413	80.99858	10.23940	0.385689	8.376330
7	0.210443	77.53650	11.92885	0.421916	10.11274
8	0.231994	74.55893	13.35917	0.458551	11.62335
9	0.252998	72.01276	14.56784	0.493513	12.92589
10	0.273414	69.83571	15.59187	0.525791	14.04663

Nguồn: Tính toán từ mô hình

- Trong quá khứ 10 năm, bản thân PSI giải thích được 69.83571% sự biến động của PSI so với hiện tại, GDD giải thích được 15.59187% biến động của PSI.
- TBR giải thích được 14.04663% sự biến động của PSI
- GDS giải thích không đáng kể chỉ 0.525791%

### 3. MỘT SỐ KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

#### □ **Một số kết luận:**

- Trong ngắn hạn : Vay nợ trong nước đều làm giảm đầu tư tư nhân
- Trong dài hạn: Vay nợ trong nước có tác động tích cực tới đầu tư tư nhân

#### ❖ **Giải thích:**

- Trong ngắn hạn: chính phủ vay trong nước để bù đắp thâm hụt đã chiếm dụng nguồn vốn của các doanh nghiệp.
- Trong dài hạn: nguồn vốn vay dành cho đầu tư phát triển doanh nghiệp kinh tế tư nhân thông qua các chính sách hỗ trợ tài chính doanh nghiệp, hoặc tạo cơ sở hạ tầng cho doanh nghiệp do đó dẫn tới hoạt động đầu tư doanh nghiệp tư nhân được đẩy mạnh

### 3. MỘT SỐ KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

#### □ **Một số đề xuất**

- Cần nhắc về mức độ chiếm dụng vốn trong nền kinh tế khi chính phủ tăng cường vay trong nước bằng các giấy tờ có giá để bù đắp thâm hụt ngân sách nhà nước.
- Song song với việc tìm các nguồn bù đắp thâm hụt như hiện này, chính phủ cần quản lý tốt các hạng mục chi ngân sách, giảm tối đa các khoản chi không cần thiết, giảm thiểu mức độ thâm hụt ngân sách. Các nguồn vốn nhàn rỗi trong nền kinh tế sẽ được đưa đến đầu tư cho các doanh nghiệp tư nhân. Một khi các doanh nghiệp tư nhân phát triển, sẽ tạo thêm nguồn thu cho NSNN và tình trạng thâm hụt theo đó được cải thiện
- Tăng cường tìm kiếm các khoản vay ưu đãi từ bên ngoài, giảm gánh nặng cho nợ công.
- Đẩy mạnh việc thực hiện hình thức đầu tư PPP. Theo đó, huy động được nguồn vốn tư nhân cho các dự án đầu tư công, giảm gánh nặng chi đầu tư công và tăng tính hiệu quả của các dự án đầu tư

### 3. MỘT SỐ KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

#### □ Một số hạn chế của mô hình

- Chưa định lượng được chính xác 1 đồng vay nợ trong nước thay đổi làm giảm bao nhiêu đồng đầu tư tư nhân
- Ngoài việc áp dụng CSTK, CSTT được sử dụng đồng thời sẽ tác động tới đầu tư của doanh nghiệp tư nhân cũng như các yếu tố khác (môi trường pháp lý, độ mở của nền kinh tế...). Mô hình mới chỉ nghiên cứu tác động của 1 số công cụ liên quan tới CSTK và các yếu tố khác, chưa nghiên cứu tác động đồng thời của CSTT (Do thiếu số liệu, chuỗi thời gian ngắn, không thể chạy nhiều biến trong mô hình VECM).
- Dữ liệu từ nhiều nguồn có thể được tính theo cách khác nhau.

=> Mong muốn được đề xuất một mô hình phù hợp hơn`

### 3. MỘT SỐ KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

#### □ Một số vấn đề:

- Giảm vay nợ trong nước của chính phủ mục đích tăng nguồn thu do các doanh nghiệp tư nhân làm ăn hiệu quả. Nhưng các chính sách ưu đãi về thuế sẽ làm giảm thu ngân sách → Biện pháp nào có thể hài hòa được 2 giải pháp này.
- Trong bối cảnh Covid 19, chính phủ áp dụng các biện pháp tài khóa mở rộng nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là giải cứu Vietnam Airlines. Điều này làm cho thâm hụt ngân sách nhà nước ngày càng trầm trọng hơn và có thể phải tăng cường vay nợ và do đó lại ảnh hưởng tới đầu tư của doanh nghiệp tư nhân. Vậy giải pháp như vậy có hợp lý? Vietjet air hoạt động cùng ngành nhưng phải tự cơ cấu lại để tiếp tục duy trì, tại sao không áp dụng biện pháp tự cơ cấu lại với VNA nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp này nói riêng và các DNNN khác nói riêng?
- Các chính sách ưu đãi về thuế nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp hiện nay bao gồm thuế TNDN, thuế VAT, thuế TTĐB, thuế nhà đất... Trong đó chính sách thuế TNDN được các doanh nghiệp quan tâm nhiều nhất. Đa phần các doanh nghiệp tư nhân có quy mô vừa và nhỏ (DNNVV), nhưng chưa có mức thuế ưu đãi riêng cho các DNNVV (Dù có đề xuất mức xấp xỉ 15% dành cho doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ nhưng chưa áp dụng). Trong hậu quả Covid -19 vẫn còn tiềm ẩn và kéo dài, có nên áp dụng mức ưu đãi thuế riêng cho các DNNVV trong thời gian tới?



***CẢM ƠN QUÝ VỊ ĐÃ LẮNG NGHE !!!***

# **Những bất cập trong chính sách miễn giảm thuế Giá trị gia tăng tại các nước ASEAN**

*TS. Nguyễn Thị Kim Dung, Giảng viên Đại học Kinh tế Quốc dân*

# VAT/GST Exemptions in ASEAN Countries: Practice and Problems

By Tran Anh Tu, Hoang Thi Chinh Thon, and Nguyen Thi Kim Dung

## Introduction

- ASEAN consists of ten countries with a diversity of culture, religions, and more importantly, legal systems.
- Unlike Europe, Australia, and Africa, there is a lack of research on VAT exemptions in this region.
- By analysing and comparing VAT laws of seven ASEAN countries, including Cambodia, Indonesia, Laos, Philippines, Singapore, Thailand, and Vietnam, this study seeks to understand drawbacks of VAT exemptions of which their governments must confront with, based on both theoretical and practical perspectives.
- In the expectation of improving VAT policy formulation and law design, comparative tax law approach is a suitable method to provide a dramatic panorama of VAT exemptions in these seven tax jurisdictions.

2

## Why Comparative Tax Law Approach?

- Alongside studies on revenue estimating, and surveys of recent policy, comparative law is an important source for improving tax policy and law design.
- Comparative tax law is an approach in which the experience of other tax jurisdictions can be learnt by reviewing the likelihood of potential changes in tax laws and regulations and avoiding recent problems in tax systems around the world.
- Before reaching the potential level of tax harmonization, ASEAN member states must analyze the origin of tax laws of the others.
- The study does not simply note what convergences and divergences in VAT laws but attempt to explain the nature of VAT exemptions in ASEAN countries by the way of comparison.

3

## VAT Law Families

Legal Systems	Tax Law Families	Countries
<b>Common Law</b>	Commonwealth	United Kingdom, New Zealand, Brunei Darussalam, Malaysia, Myanmar, Singapore
	American	United States, Philippines
<b>Civil Law</b>	French	France
	Latin American	Chile
	Transition and Post-Conflict Countries	Russia, Cambodia
	Northern European	Germany
	Southern European	Portugal
	Japanese/ South Korean	Japan, South Korea
	Others	Thailand, Indonesia
<b>Socialist Law</b>	Socialist Countries	Vietnam, Laos, China

Source: Authors' summary

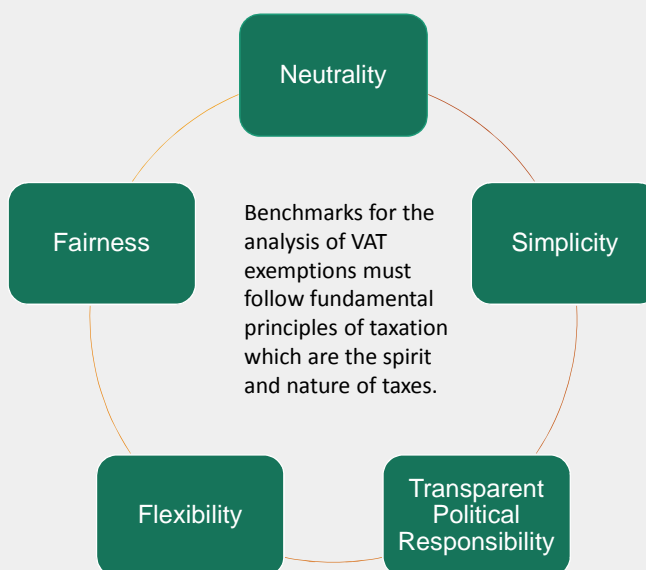
4

## VAT Models (De la Fera and Krever, 2012)

	Traditional VAT		Modern VAT	Post-Modern VAT
	Treatment	Rationale	Treatment	Treatment
No Direct Consideration	Out-of-scope supplies	Out-dated legal wording and judicial interpretation	Full taxation	Full taxation
SMEs	Out-of-scope suppliers (varying thresholds)	Vertical equity vs. widening of tax base	Out-of-scope suppliers (varying thresholds)	Out-of-scope suppliers (high thresholds)
Non-Business Enterprises	Out-of-scope suppliers	Out-dated legal wording and judicial interpretation	Full taxation	Full taxation
Public Sector Bodies	Out-of-scope suppliers	Out-dated legal wording and judicial interpretation	Full tax model	Full taxation
Merit Goods and Services	Exempt	Vertical equity Positive externalities	Full taxation (or exempt, or zero-rated)	Full taxation
Immovable Property	Exempt (Option to tax commercial property)	Difficult-to-tax	Full taxation of commercial property Exemption of residential property (except first sale)	Full taxation
Financial Intermediary Services	Exempt (option to tax)	Difficult-to-tax	Exemption model Zero-rating of B2B model	Full taxation
Non-Life Insurance Services	Exempt	Difficult-to-tax	Full taxation	Full taxation
Gambling	Exempt	Difficult-to-tax	Full taxation	Full taxation (margin model)

5

## Benchmarks for the Analysis of VAT Exemption in ASEAN Countries



6

## Problems of VAT Exemptions in ASEAN countries

- VAT exemptions are one of reasons which cause VAT revenue loss
- Exemption breaks the chain of VAT
- VAT exemptions occasionally increase the tax burden
- VAT exemptions might increase the level of tax complexity
- The wider base of exemption, the more standard-rated products are labelled as luxury goods and services
- VAT exemptions can put on the cost of rate differentiation
- Tax avoidance is also be invited by VAT exemptions

7

## Breakdown of VAT Exemptions in ASEAN countries

Agriculture,  
Fishery, Forestry

Public Interest  
Activities

Housing, Land and  
Construction

Financial Services

Other Goods and  
Services

8

## Agriculture, Fishery, Forestry

- In most countries, farmers are not easy to handle as taxpayers. Most agricultural producers are outside the formal sector.
- The agricultural sector is often a particular concern in the pursuit of wider distributional objectives.
- Agriculture is considered as a hard-to-tax sector. Thus, it often receives special treatment under the VAT.

9

## VAT Exemptions on Agriculture, Fishery, Forestry in ASEAN Countries

- Five countries exempt agricultural products from VAT including Vietnam, Laos, Cambodia, Thailand and Philippines.
- Vietnam, Laos and Cambodia use a similar term regarding to exempted agricultural products as “unprocessed” while Philippines refer to these products as at “original state” or “local origin” and “in raw state”.
- Due to different reasons such as country’s geographic characters or role of agriculture sector in country’s economy, Singapore and Indonesia do not apply VAT exemption on agricultural products.

10

## Public Interest Activities (Merit Goods) and Supplies Provided by Public Bodies

- There are some activities prominently recognised as merit goods including: healthcare/medical and veterinary services; education; social services.
- According to the EC's Sixth Council Directive, it is stated that "the provision of medical care in the exercise of the medical and paramedical professions" should not be taxed.
- Public interest activities can be distinguished in different categories:
  - Public utilities (water, telecommunication, postal services, internet, and broadcasting) and transportation
  - Basic foodstuffs
  - Printing, books and cultural activities


11

## VAT Exemptions on Public Interest Activities (Merit Goods) in ASEAN Countries

- Medical and veterinary services either are fully exempted or in the form of reduced rate in six ASEAN countries that applying VAT/GST, except Singapore.
- While other countries apply VAT exemption or reduced rate on education, Singapore and Cambodia do not exempt educational teaching/services from tax.
- Thailand, Singapore and Philippines do not apply exemption on any of public utilities including telecommunication, postal services, internet, and broadcasting.
- Public transport for passengers is exempted from VAT in six countries, excluding Singapore.
- Basic foodstuffs are not taxed (or at a reduced rate) in five countries, except Singapore and Indonesia.
- While there is no VAT exemption in Indonesia, Cambodia and Singapore for printing, books and culture activities, other countries either exempt or apply reduced rate for these products/services.

12





## Housing, Land and Construction

- Land, buildings, and construction are one of the standard exemption objects.
- They are considered just too difficult to tax due to the complicated relationship between land and buildings and the sophistication of construction products.
  - Land is a stock, while the VAT is supposed on flows.
  - As the value of land depends on the property on the land and other factors such as topography and access to jobs, thus, it is tricky to tax on land.
  - The construction produces goods that either for production, such as business premises, or for consumption, such as housing.

13

## VAT Exemption of Housing, Land and Construction in ASEAN Countries

- Five countries apply VAT exemptions for housing and buildings.
  - In Indonesia, house of worship services is not taxed, while rental of immovable property is not liable to the VAT in Thailand and tax holiday is applied for housing and buildings under a certain value in Philippines.
  - Land is exempt from VAT in three countries including Vietnam, Thailand and Singapore.
  - Only Vietnam apply VAT exemption for construction, that is renovation, repair and construction of cultural, artistic, public service and infrastructure works and residential houses for social policy beneficiaries
- 14



## Financial Services

- Financial services are labelled as a difficult-to-tax sector. Different transactions are applied to different rules of VAT, relying on the types of financial services.
- Three methods to put financial services into different groups are based on the classifications of types of services, economic function, and the nature of consideration.

15



## Financial Services

- Types of services (five principal groups)  
deposits, borrowing, and lending; purchase, sale, and issuance of financial securities; insurance; brokerage and other agent services; and advisory, management, and data processing.
- Economic function approach  
intermediation services between depositors and borrowers; pooling services of insurance and gambling; provision of liquidity; transaction clearing services; creation and making markets; and agency services such as payment services.
- Nature of consideration  
financial services can be viewed as a variety of fee-based and margin-based services

16

## VAT Exemption of Financial Services in ASEAN Countries

- Six ASEAN countries follow Poddar's categorizations by types of financial services and the economic function, including two main groups: financial services and insurance services with various sub-groups, excluding the Philippines.
- The Philippines, Vietnam, Laos, Cambodia, and Indonesia fundamentally share some convergences, while Thailand and Singapore have a variety of distinct rules.
- In Indonesia, some financial services are exempted from VAT laws under the principles of sharia, including interest and debt factoring. It is an example of how religious factors and culture influence tax law in general, and VAT Act in particular.
- Singapore consistently pursues full taxation policy, and they do not follow European counterparts for applying VAT/GST to financial services. Unlike most ASEAN countries that strictly follow European style of VAT, to taxing non-life insurance, Singapore approach is similar to New Zealand approach.

17

## Other Goods and Services

Charity

Non-profit

Other Goods and Services

18

## VAT Exemptions on Other Goods and Services in ASEAN Countries

- Vietnam, Cambodia, and Thailand do not apply VAT for charity, but the regulation in each country is significantly different.
- Goods and services of local or central government agencies are exemptions in the VAT in Thailand.
- In Indonesia, religious services, which are sermons and religious services, religious activity organizer services, and other religious activity services, are VAT exemptions.
- The Philippines does not apply VAT for sales by agricultural cooperatives duly registered with the Cooperative Development Authority to their members as well as sale of their products, whether in its original state or processed form, to non-members.
- Thailand exempt VAT for services in accounting, lawyer or other liberal professional services which are prescribed by Revenue Department.

19

## Small and Medium Enterprises (SMEs)

Threshold level of SMEs is the one of most importance on designing VAT policy

VAT Thresholds in ASEAN countries	In US\$	In National Currency
Vietnam	43,100	VND 1,000,000,000
Laos	43,800	LAK 400,000,000
Cambodia	91,200	KHR 125,000,000 for goods
	43,800	KHR 60,000,000 for services
	21,900	KHR 30,000,000 for government contracts
Thailand	57,300	THB 1,800,000
Philippines	61,600	PHP 3,000,000
Indonesia	325,400	IDR 4,800,000,000
Singapore	731,400	SGD 1,000,000

20

## VAT Exemptions on SMEs in ASEAN Countries

- All SMEs in seven countries have option to voluntarily register for the VAT.
- VAT thresholds are exceptionally high in Indonesia and Singapore and this policy implies the concentration of their governments on large business taxpayers, rather than SMEs.
- Lacking studies on VAT threshold is other obstacle to developing countries in dealing with determining optimal level for VAT registration.
- Cambodia is different from the other ASEAN countries. They discriminate between goods, services, and government contracts by applying three VAT thresholds.

21

## Conclusion

- Using the benchmarks to analyze VAT systems in seven ASEAN countries, numbers of problems have been highlighted, and achieving a good VAT requires a variety of improvements.
- Analysing VAT laws in seven ASEAN countries highlights that all benchmarks are violated by the actual implementations of VAT exemptions.
- Chasing the goal of designing good VAT systems, VAT exemptions should be gradually abolished, starting with financial services.
- Neutrality of VAT is less favourably in reality. Tax authorities exclude a wide range of goods and services, and those exclusions to the VAT bases distort the production and consumption choices.

22

Thank you!

---



## CÁC BÀI NGHIÊN CỨU KHÁC CỦA LIÊN MINH CÔNG BẰNG THUẾ VIỆT NAM

---

- Hướng tới một ASEAN phát triển bền vững: Cải thiện môi trường đầu tư là chìa khoá để thu hút FDI, không phải cạnh tranh ưu đãi thuế và đất đai
  - Hướng tới chính sách thuế bền vững trong khu vực ASEAN: Trường hợp ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp
  - Chi tiêu thuế ở Việt Nam: Trường hợp Thuế thu nhập doanh nghiệp
  - Trốn và tránh thuế ở Việt Nam: Trường hợp Thuế thu nhập doanh nghiệp
  - Báo cáo cải thiện khung pháp lý về tránh thuế của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tại Việt Nam – Bao gồm trường hợp Conocophillips – Parenco
  - Đánh giá các chính sách ưu đãi thuế trong dự thảo luật đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn, Bắc Vân Phong, Phú Quốc (Luật đặc khu)
  - Khả năng áp dụng và tác động của Thuế tài sản ở Việt Nam
  - Đánh giá tác động của việc tăng Thuế giá trị gia tăng lên tổng thể nền kinh tế và phúc lợi hộ gia đình
  - Báo cáo đánh giá mức độ công bằng thuế tại Việt Nam 2017
- 

### LIÊN HỆ

#### **Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách**

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc Gia Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 707, nhà E4  
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy  
Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-24) 3 754 7506 - 704/714

Fax: (84-24) 3 754 9921

Email: [info@vepr.org.vn](mailto:info@vepr.org.vn)

Website: [www.vepr.org.vn](http://www.vepr.org.vn)

Bản quyền © VEPR 2009 - 2020